

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/HS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Cao Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 360/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Quang T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Hoàng Thị Việt H. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F, ngõ A đường X, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Số F, ngõ A đường X, phường T, tỉnh Hà Tĩnh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Quý H1, sinh năm 1956 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1954; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 chị em; Có chồng Nguyễn Đình T1, sinh năm 1977. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (nay là Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đ) (có mặt);

2. Hoàng H2; Giới tính: Nam. Sinh năm 1975. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Thôn H, phường T, tỉnh Hà Tĩnh). Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Hoàng H2 là Đảng viên Đ1. Ngày

10/11/2023, Ủy ban kiểm tra Thị ủy K2 đã ra Quyết định số 93-QĐ/UBKTThU đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Hoàng H2. Con ông Hoàng Thanh K (đã chết) và bà Trần Thị Kim L2, sinh năm 1952. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em; Có vợ Bùi Thị N, sinh năm 1988. Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (nay là Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đ) (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng H2: Luật sư Nguyễn Tiến P thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Lê Bảo N1. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là Số I đường D, phường A, thành phố Đà Nẵng). Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lê Trần S, sinh năm 1963 và bà Trần Thị H3, sinh năm 1969. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em, chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (nay là Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đ) (vắng mặt);

4. Tạ Thị Thu T2. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Số A đường N, phường T, tỉnh Hà Tĩnh). Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kế toán. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Tạ Xuân B, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Có chồng: Hoàng Thanh S1, sinh năm 1976 (là bị cáo trong vụ án). Bị cáo có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 23/02/2023, đến ngày 17/01/2024 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (xin xét xử vắng mặt);

5. Trần Thị Diệu H4. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1962 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã X, tỉnh Đồng Nai). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Không. Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Trần V (đã chết) và bà Huỳnh Thị T3 (đã chết). Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 06 anh chị em. Bị cáo không có chồng và có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Trần Thị Diệu H4 bị bắt tạm giữ ngày 24/4/2023, chuyển tạm giam ngày 03/5/2023, Viện kiểm sát hủy bỏ tạm giam ngày 16/5/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ngân hàng TMCP T8 (T9).

Địa chỉ: Lầu D, Số C Hậu Giang, phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Lầu D, Số C Hậu Giang, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phạm Anh T4 (có mặt);
2. Ông Phan Chí C1 (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre thuộc Phòng C3 Công an tỉnh Đ có trách nhiệm tuần tra, kiểm soát trên Quốc lộ A đoạn từ Km số 1851+500 (xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai) đến Km số 1771 (xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai giáp ranh với tỉnh Bình Thuận) và Quốc lộ E đoạn từ Km số 01 (xã X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đến Km số 17 (xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai giáp ranh với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).

Tổ công tác đặc biệt do Phòng C3 Công an tỉnh Đ thành lập, quản lý có nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tất cả các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó tập trung vào các tuyến Q, Tỉnh lộ, các tuyến đường đầu nối vào Q, đầu nối vào khu vực mỏ đá. Địa bàn trọng điểm gồm các địa phương: Thành phố B, Thành phố L, huyện L, huyện T, huyện T và huyện Đ.

Từ khoảng tháng 01/2021 đến tháng 9/2022, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Trương Công Q đã cấu kết với Nguyễn Văn H5, Đặng Văn Ú, Ngô Văn Đ, Trần Thị Diệu H4, Lê Bảo N1 thu tiền của các chủ xe, lái xe vi phạm Luật Giao thông đường bộ với thỏa thuận “bảo kê”, “làm luật”, đưa tiền cho Trần Quang T hối lộ Cảnh sát giao thông thuộc Trạm Cảnh sát giao thông S3 để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với người, phương tiện; cấu kết với Nguyễn Đăng K1 thu tiền của các chủ xe, lái xe để hối lộ Cảnh sát giao thông thuộc Tổ công tác đặc biệt. Tổng số tiền Trương Công Q đã thu và nhận được từ đồng phạm để đưa hối lộ đã xác định được là 2.755.666.670 đồng.

Ngày 30/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ đã tiến hành giữ khẩn cấp đối tượng Trần Quang T, Trương Công Q, Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5 để điều tra, làm rõ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ mở rộng vụ án và xác định được như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 9/2022, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với cùng phương thức, thủ đoạn tương tự thì Nguyễn Đăng K1 đã nhận tiền của nhiều chủ xe và lái xe tổng số tiền là 1.239.998.800 đồng với

thỏa thuận “bảo kê”, “làm luật” đưa cho Trần Quang T và Trương Công Q hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với người, phương tiện. Ngày 30/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ đã tiến hành giữ khẩn cấp Nguyễn Đăng K1 để điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ còn xác định hai nhóm tội phạm có hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2023, Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H đã thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên các tuyến đường miền T, T, Đ sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với nhiều cảnh sát giao thông trên các tuyến đường này để gọi điện, tác động đến cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn quy định đối với các xe ô tô mà N1 đã thu tiền để trục lợi tổng số tiền là 1.051.000.000 đồng;

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2023, Hoàng H2 và đồng phạm với cùng phương thức, thủ đoạn tương tự như nhóm bị can Lê Bảo N1 đã thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên tuyến Quốc lộ B - N; M - T sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với nhiều cảnh sát giao thông trên các tuyến đường này để gọi điện tác động đến cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn quy định đối với các xe ô tô mà bị can Hoàng H2 đã thu tiền để trục lợi tổng số tiền là 2.863.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

I. Hành vi môi giới hối lộ của các bị can Trương Công Q, Trần Quang T, Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5 và Ngô Văn Đ, Trần Thị Diệu H4 và Nguyễn Đăng Khoa

Trương Công Quang (tên gọi khác là Tuấn C2) là nhân viên Công ty TNHH L4 (địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai) có nhiệm vụ sắp xếp phương tiện vận chuyển đối với cây rừng trồng (tràm) nên Q chủ động tìm hiểu và biết được quy luật tuần tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Từ đầu năm 2021, nhiều người điều khiển phương tiện vi phạm Luật Giao thông lưu thông trên các tuyến Q qua địa bàn tỉnh Đồng Nai đã liên hệ nhờ Q chung chi, hối lộ cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử lý đối với vi phạm hành chính. Lợi dụng mối quan hệ quen biết với Trần Quang T (là lái xe riêng của Trung tá Lê Ánh D, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát giao thông S3), Trương Công Q đã nhờ T can thiệp với lực lượng Cảnh sát giao thông. Trương Công Q và Trần Quang T đã thỏa thuận về việc Q thu tiền của chủ xe và người vi phạm để đưa cho T với số tiền từ 400.000 đồng/chuyến đến 900.000 đồng/chuyến hoặc từ 1.500.000 đồng/tháng đến 2.500.000 đồng/tháng tùy theo trọng tải xe để T hối lộ Cảnh sát giao thông nhằm bỏ qua vi phạm. Số tiền thu được từ chủ xe, lái xe thì Trương Công Q rút tiền mặt và đưa trực tiếp cho T trong đó Q hưởng lợi 10% trên tổng số tiền thu được.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội Trương Công Q, Đặng Văn Ú, Ngô Văn Đ sử dụng 05 tài khoản Ngân hàng để nhận tiền đưa hối lộ của các chủ xe và lái xe gồm: Tài khoản 050058834138 của Trương Công Q, mở tại Ngân hàng S4; Tài khoản 60606088888888 của Trương Thị Ngọc M (con gái Q), mở tại Ngân hàng M1; Tài khoản 050130417466 của Trương Thị Ngọc M (con gái của Q), mở tại Ngân hàng S4; Tài khoản 050133971456 của Ngô Văn Đ, mở tại Ngân hàng S4; Tài khoản 050060632100 của Đặng Văn Ú, mở tại Ngân hàng S4.

Trương Công Q còn thuê và chỉ đạo Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5 và Ngô Văn Đ liên hệ lấy tiền mặt của lái xe để đưa lại cho Q nhằm hối lộ Cảnh sát giao thông. Trường hợp lái xe không đưa tiền mặt thì Ú, Đ cung cấp tài khoản Ngân hàng để lái xe chuyển khoản cho Ú và Đ. Sau đó, Ú, Đ sẽ rút tiền mặt nộp lại cho Q. Khi Ú, Đ và H5 đưa tiền đã nhận của lái xe cho Q thì được Q trả công là 80.000 đồng/lượt.

Nguyễn Đăng K1 đã liên hệ với Trần Quang T để nhờ T can thiệp với Cảnh sát giao thông thuộc Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre. Nguyễn Đăng K1 và Trần Quang T đã thỏa thuận về việc K1 thu tiền của chủ xe và người vi phạm để đưa cho T với số tiền từ 400.000 đồng/chuyến đến 900.000 đồng/chuyến hoặc từ 1.500.000 đồng/tháng đến 2.500.000 đồng/tháng tùy theo trọng tải xe để T hối lộ Cảnh sát giao thông nhằm bỏ qua vi phạm. Nguyễn Đăng K1 sử dụng tài khoản số 473838999 của K1, mở tại Ngân hàng M1 chi nhánh L5 để giao dịch, nhận tiền của các chủ xe, lái xe. Số tiền thu được từ chủ xe, lái xe thì Nguyễn Đăng K1 rút tiền mặt và đưa trực tiếp cho T trong đó K1 hưởng lợi 10% trên tổng số tiền thu được. Ngoài ra, Nguyễn Đăng K1 cũng nhiều lần liên hệ với Trương Công Q nhờ Q can thiệp, đưa hối lộ giúp. K1 đã chuyển vào tài khoản của Trương Công Q nhiều lần với tổng số tiền là 110.750.000 đồng để đưa hối lộ.

Về phương thức, thủ đoạn phạm tội: Khi các chủ xe, lái xe có vi phạm sắp đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai, nếu muốn hối lộ cho lực lượng Cảnh sát giao thông nhằm mục đích được bỏ qua, không xử lý vi phạm hành chính thì sẽ liên hệ trước với Trương Công Q qua các thuê bao điện thoại 0933.466.567, 0937.659.773 hoặc 0988.881.140 hoặc Nguyễn Đăng K1 qua thuê bao điện thoại 0908423979. Sau khi đạt được thỏa thuận thì Q và K1 sẽ nhắn số tài khoản Ngân hàng để chủ xe, lái xe chuyển khoản kèm theo nội dung giao dịch là biển số xe vi phạm để nhận biết. Q và K1 thông tin biển số xe vi phạm cho T để T đưa cho Cảnh sát giao thông biết để bỏ qua. Các chủ xe, lái xe đã giới thiệu cho nhiều người khác biết số điện thoại của Trương Công Q và Nguyễn Đăng K1 để liên hệ, giao dịch. Từ đó có nhiều lái xe, chủ xe đã sử dụng phương thức nêu trên để hối lộ Cảnh sát giao thông qua Trương Công Q và Nguyễn Đăng K1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ đã xác định Trương Công Q và đồng phạm đã thực hiện 2.216 giao dịch nhận tiền của các chủ xe, lái xe với tổng số tiền là 2.755.666.670 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh, thu

thập lời khai đối với 216 trường hợp là chủ xe, lái xe có giao dịch chuyển tiền cho các bị can. Qua làm việc, 103 đối tượng là chủ xe, lái xe thừa nhận đã chuyển tiền với mục đích đưa hối lộ; 67 đối tượng là chủ xe, lái xe không có mặt tại địa phương nên chưa tiến hành làm việc được; 46 đối tượng là chủ xe nhưng đã bán phương tiện từ trước đó và không biết về nội dung chuyển tiền, các lái xe được thuê đã nghỉ việc và chủ xe không nhớ rõ lai lịch nên chưa đủ căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ. Cơ quan điều tra đã xác định Nguyễn Đăng K1, Trương Công Q và đồng phạm đã thực hiện hành vi môi giới hối lộ đối với 216 trường hợp.

Về hành vi môi giới hối lộ của bị can Nguyễn Văn H5:

Nguyễn Văn H5 làm thuê tại lò giết, mổ gia súc của gia đình Trương Công Q và biết Trương Công Q có cấu kết với Cảnh sát giao thông hoạt động "bảo kê", "làm luật" của lái xe trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn đồng ý giúp Trương Công Q nhận tiền để được trả công 80.000 đồng/lần. Khi Trương Công Q yêu cầu thì Nguyễn Văn H5 điều khiển xe máy ra điểm hẹn, nhận tiền mặt của lái xe để nộp lại cho Q. Nguyễn Văn H5 thường xuyên sử dụng các số điện thoại không đăng ký hợp pháp để liên lạc với lái xe và Trương Công Q (các sim này đã bị H5 vứt bỏ). Địa điểm Nguyễn Văn H5 thường hẹn gặp lái xe là tại khu vực Ngã ba G thuộc thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Văn H5 nộp tiền cho Trương Công Q hàng ngày, không theo dõi, ghi chép nên không xác định được chính xác số tiền Nguyễn Văn H5 đã nhận là bao nhiêu. Nguyễn Văn H5 và Trương Công Q xác định: Từ tháng 3/2022 đến tháng 9/2022, Nguyễn Văn H5 đã nhận tiền mặt của 221 lái xe với tổng số tiền là 132.600.000 đồng và được Trương Công Q trả công số tiền là 17.680.000 đồng (= 221 xe X 80.000 đồng/xe). Trước thời điểm bị bắt giữ thì Nguyễn Văn H5 đã nhận 1.500.000 đồng tiền mặt của 02 lái xe nhưng chưa kịp nộp lại cho Trương Công Q (bút lục số 585-596).

Về hành vi môi giới hối lộ của bị can Trần Thị Diệu H4:

Trần Thị Diệu H4 là nhân viên của Cửa hàng X 2016 trên Quốc lộ A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do Cửa hàng xăng dầu Lan P1 2016 có kinh doanh cân điện tử (100 tấn) để cân xe nên H4 quen biết một số cán bộ Cảnh sát giao thông của Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre. Trần Thị Diệu H4 xác định khoảng đầu năm 2022, Trung tá Lê Ánh D (Trạm trưởng Trạm Cảnh sát giao thông S3) đến đổ xăng tại Cửa hàng X Phụng 2016. D nói với H4: Nếu người điều khiển phương tiện giao thông nào muốn chung chi, hối lộ cho Cảnh sát giao thông thì H4 cứ nhận và có người của D sẽ đến nhận. H4 đồng ý và được D cho số điện thoại của Trần Quang T. Sau đó, T đến gặp H4 theo chỉ đạo của D, thỏa thuận với H4 về việc thu của chủ xe, lái xe số tiền 1.500.000 đồng/ xe/tháng, thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, sau đó T sẽ gặp H4 để nhận tiền và danh sách các xe đã nộp tiền để chuyển lại cho D. Từ tháng 02/2022, H4 nói với một số lái xe ra, vào Cửa hàng X Phụng 2016 là có muốn chung chi, "bao luật" Cảnh sát giao thông thì liên hệ với H4 (nghĩa là đưa tiền hối lộ để

Cảnh sát giao thông bỏ qua, không kiểm tra, xử lý vi phạm). Thông tin H4 giúp chung chi, “bao luật” đã được các lái xe truyền tin cho nhau biết. Khi lái xe nộp tiền thì H4 ghi biển số xe của họ vào giấy. Định kỳ vào ngày 10 mỗi tháng thì T sẽ đến gặp H4 nhận tiền mặt và giấy ghi biển số xe để đưa lại cho D. Trần Thị Diệu H4 xác định: Tháng ít nhất H4 đã thu được 15.000.000 đồng (khoảng 10 xe), tháng nhiều nhất là 37.500.000 đồng (25 xe). Số tiền thu được H4 đưa hết cho T và không hưởng lợi ích gì từ hành vi trên. Thời gian H4 thực hiện hành vi nhận tiền của các đối tượng để hối lộ Cảnh sát giao thông kéo dài 05 tháng (kể từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022), tổng số tiền H4 đã nhận của các lái xe số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, Trần Thị Diệu H4 biết Trương Công Q có hoạt động chung chi, hối lộ cho Tổ công tác đặc biệt thuộc Phòng C3 Công an tỉnh Đ nên H4 liên lạc, đặt vấn đề với Q về việc giúp lái xe đưa tiền hối lộ cho Cảnh sát giao thông thuộc Tổ công tác đặc biệt và được Q đồng ý, mức thu là 2.000.000 đồng/xe/tháng. Q cho H4 số điện thoại để H4 nhắn biển số xe qua cho Q, rồi cứ vài ngày Q lại cho người qua gặp H4 để lấy tiền. H4 thông báo lại cho các lái xe biết việc chung chi cho “Tổ đặc biệt” và họ đồng ý, H4 nhận tiền khoảng 2 tháng tổng cộng khoảng 70.000.000 đồng và đã đưa hết cho người của bị can Q đến gặp H4 lấy tiền mặt. Sau khi Trương Công Q bị bắt thì Trần Thị Diệu H4 đã xóa thông tin liên lạc với Q.

Như vậy, Trần Thị Diệu H4 đã nhận tổng số tiền 220.000.000 đồng của các lái xe với mục đích hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử lý vi phạm đối với người và phương tiện tham gia giao thông. Trần Thị Diệu H4 xác định không hưởng lợi, chỉ giúp đỡ các lái xe ra vào Trạm xăng dầu “Lan Phương 2016”, trong đó Trần Thị Diệu H4 đã đưa cho Trần Quang T số tiền 150.000.000 đồng, đưa cho Trương Công Q 70.000.000 đồng. Trần Quang T và Trương Công Q xác định đã nhận tiền của Trần Thị Diệu H4 như đã nêu trên.

Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng đã xác định: 216 đối tượng và nhóm đối tượng là chủ xe, lái xe nêu trên đã chuyển vào tài khoản của Trương Công Q, Nguyễn Đăng K1, Đặng Văn Ú và Ngô Văn Đ gồm (1), (2), (3), (4) và nhận tiền mặt (5), (6) để đưa hối lộ cho Cảnh sát giao thông, trong đó:

(1) Các tài khoản 050058834138 của Trương Công Q mở tại Ngân hàng S4 chi nhánh huyện X; tài khoản 60606088888888 của Trương Thị Ngọc M mở tại Ngân hàng M1; tài khoản 050130417466 của Trương Thị Ngọc M mở tại Ngân hàng S4 do Trương Công Q trực tiếp quản lý, sử dụng đã nhận tổng cộng 1.511.792.500 đồng (đã bao gồm 110.750.000 đồng Khoa chuyển khoản);

(2) Tài khoản 050133971456 của Ngô Văn Đ mở tại Ngân hàng S4 chi nhánh huyện X, tỉnh Đồng Nai do Ngô Văn Đ trực tiếp quản lý và sử dụng đã nhận (78 lần) với tổng số tiền là 67.390.000 đồng.

(3) Tài khoản 050060632100 của Đặng Văn Ú mở tại Ngân hàng S4 chi nhánh X, tỉnh Đồng Nai đã nhận 127.994.500 đồng;

(4) Tài khoản số 4738389999 của Nguyễn Đăng K1 mở tại Ngân hàng M1 chi nhánh thành phố L5 do Nguyễn Đăng K1 trực tiếp quản lý, sử dụng đã nhận tổng số tiền là 1.239.998.800 đồng (trong đó K1 chuyển vào tài khoản của Q số tiền là 110.750.000 đồng);

(5) Nguyễn Văn H5 đã nhận của 221 lái xe với tổng số tiền là 132.600.000 đồng (tiền mặt) với mục đích thông qua Trương Công Q để đưa hối lộ cho Cảnh sát giao thông;

(6) Trần Thị Diệu H4 đã nhận của các lái xe số tiền là 150.000.000 đồng (tiền mặt) với mục đích thông qua Trần Quang T để đưa hối lộ cho Cảnh sát giao thông; nhận của các lái xe số tiền 70.000.000 đồng với mục đích thông qua Trương Công Q để đưa hối lộ cho Cảnh sát giao thông.

Về số tiền môi giới hối lộ của bị can Trương Công Q và đồng phạm

- Trần Quang T có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 2.755.666.670 đồng (bao gồm Q đưa 1.653.692.750 đồng + H4 đưa 150.000.000 đồng + Khoa đưa 951.973.920 đồng);

- Trương Công Q có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 1.909.777.000 đồng (trong đó Q trực tiếp nhận 1.401.042.500 đồng + Khoa chuyển khoản 110.750.000 đồng + Ú nhận 127.994.500 đồng + Đạm nhận 67.390.000 đồng + H5 nhận 132.600.000 đồng + H4 nhận: 70.000.000 đồng);

- Nguyễn Đăng K1 có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 1.239.998.800 đồng;

- Trần Thị Diệu H4 có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 220.000.000 đồng;

- Nguyễn Văn H5 có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 132.600.000 đồng.

- Đặng Văn Ú có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 127.994.500 đồng;

- Ngô Văn Đ có hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ là 67.390.000 đồng;

Về số tiền thu lợi bất chính của các bị can

- Trương Công Q xác định đã tự trích lại 10%/ số tiền thu được (không bao gồm số tiền 110.750.000 đồng do Nguyễn Đăng K1 chuyển khoản), cụ thể: $10\% \times 1.401.042.500 \text{ đồng} = 140.104.250 \text{ đồng}$. Như vậy, Trương Công Q thu lợi bất chính số tiền là 140.104.250 đồng từ hành vi môi giới hối lộ;

- Nguyễn Đăng K1 xác định đã tự trích lại 10%/số tiền thu được (không bao gồm số tiền 110.750.000 đồng đã chuyển cho Q và số tiền 65.000.000 đồng đã đưa cho Tổ công tác đặc biệt), cụ thể: $(10\% \times 1.057.748.800 \text{ đồng}) + (10\% \times 65.000.000 \text{ đồng}) = 112.274.880 \text{ đồng}$. Như vậy, Nguyễn Đăng K1 thu lợi bất chính tổng số tiền là 112.274.880 đồng từ hành vi môi giới hối lộ;

- Nguyễn Văn H5 được Trương Công Q trả công 17.680.000 đồng (80.000 đồng x 221 xe). Như vậy, Nguyễn Văn H5 thu lợi bất chính tổng số tiền là 17.680.000 đồng từ hành vi môi giới hối lộ;

- Ngô Văn Đ được Trương Công Q trả công số tiền: 7.800.000 đồng (tương ứng số tiền 100.000 đồng/xe). Ngoài ra, Đ còn đi canh đường lực lượng Cảnh sát giao thông để báo cho Q biết các chốt tuần tra và được Q trả tiền công: 7.200.000 đồng. Ngô Văn Đ thu lợi bất chính tổng số tiền là 15.000.000 đồng từ hành vi môi giới hối lộ;

- Đặng Văn Ú được Trương Công Q trả công 13.280.000 đồng (= 80.000 đồng x 166 lần). Như vậy, Đặng Văn Ú thu lợi bất chính tổng số tiền là 13.280.000 đồng từ hành vi môi giới hối lộ;

- Trần Quang T xác định đã trực tiếp đưa lại số tiền 2.755.666.670 đồng cho Trung tá Lê Anh D (nguyên Trạm trưởng Trạm tuần tra kiểm soát giao thông S) bằng tiền mặt và không hưởng lợi gì từ hành vi môi giới hối lộ.

- Trần Thị Diệu H4 xác định đã đưa 150.000.000 đồng cho Trần Quang T và 70.000.000 đồng cho Trương Công Q để hối lộ cảnh sát giao thông và không hưởng lợi gì từ hành vi môi giới hối lộ nêu trên.

Quá trình điều tra, các bị can Trần Quang T, Trương Công Q, Nguyễn Đăng K1, Ngô Văn Đ, Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5, Trần Thị Diệu H4 thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

II. Hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi của bị can Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H.

Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do có thời gian đã là phóng viên của Tạp chí Quê hương ngày nay (là Cơ quan ngôn luận H6); Cộng tác viên của Tạp chí nhân đạo (là Cơ quan ngôn luận Hội chữ thập đỏ Việt Nam) và là lái xe riêng của ông Lê Danh T5 (sinh năm 1966, ngụ tại phường T, thành phố H, Trưởng Văn phòng đại diện Báo Truyền hình pháp luật khu vực M2 - T) nên Lê Bảo N1 quen biết với nhiều cán bộ Cảnh sát giao thông trên các tuyến đường M, T, Đông Nam B1. Từ đó, N1 nảy sinh ý định thu tiền của các chủ xe, lái xe ô tô lưu thông trên các tuyến đường M, T, Đông Nam B1 sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với một số cán bộ cảnh sát giao thông trên các tuyến đường trên để gọi điện cho các cảnh sát giao thông nhờ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt với lỗi nhẹ hơn đối với các xe ô tô vi phạm giao thông mà N1 đã thu tiền.

Để che đậy và hợp thức việc hàng tháng thu tiền của các chủ xe và lái xe, Lê Bảo N1 thành lập Công ty TNHH T10 có trụ sở tại: Số C, T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên - Mã số doanh nghiệp C4, ngày 14/11/2022, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp), ngành nghề đăng ký kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ do N1 là giám đốc công ty (góp 99% vốn) còn Hoàng Thị V1 H là Phó

giám đốc công ty (góp 1% vốn). Thực tế Công ty TNHH T10 chỉ thành lập trên giấy tờ, không có trụ sở công ty, không có nhân viên và không hoạt động kinh doanh. Đồng thời, để dễ nhận diện các xe ô tô N1 đã thu tiền hàng tháng, Lê Bảo N1 làm logo “Công ty B4” bán cho các chủ xe, lái xe ô tô sau khi đã nộp tiền cho N1 và Hoàng Thị V1 H để dán trên kính xe ô tô.

Để nhiều chủ xe, lái xe ô tô mua logo Công ty B4, Lê Bảo N1 đưa ra thông tin Lê Bảo N1 có mối quan hệ quen biết với lực lượng cảnh sát giao thông và sẽ đảm bảo cho các xe lưu thông trên tuyến quốc lộ qua địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông nếu xe chở hàng quá tải, quá khổ, quá tốc độ mà bị lực lượng cảnh sát giao thông dừng xe kiểm tra thì gọi điện thoại cho Lê Bảo N1, N1 sẽ can thiệp với cảnh sát giao thông để xe không bị xử lý hoặc nếu bị lập biên bản xử phạt thì chỉ bị phạt với lỗi nhẹ hơn. Để đảm bảo được việc can thiệp với lực lượng cảnh sát giao thông Lê Bảo N1 quy định các lái xe, chủ xe ô tô phải nộp số tiền hàng tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đối với xe chở hàng nông sản thông thường, 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đối với xe chở gia súc, gia cầm cho Lê Bảo N1. Lê Bảo N1 thu tiền của các chủ xe, lái xe chủ yếu thông qua hình thức chuyển tiền vào 05 số tài khoản đứng tên Lê Bảo N1 gồm: Tài khoản 9389789345, Ngân hàng V2; tài khoản 79791127979, Ngân hàng TMCP T8; tài khoản 13270407922222, Ngân hàng TMCP P2; tài khoản 103006068091, Ngân hàng TMCP C5; tài khoản 999990389789345, Ngân hàng TMCP P2 và 02 số tài khoản đứng tên Hoàng Thị Việt H gồm: tài khoản 0201000161616, Ngân hàng V2, Chi nhánh H7; tài khoản 6888866866866, Ngân hàng TMCP Q1.

Sau khi thu tiền tháng của các chủ xe, lái xe ô tô Lê Bảo N1 thống kê biên số các xe để in ra giấy A4 sau đó sử dụng xe ô tô cá nhân đi đến các Trạm tuần tra kiểm soát của Cảnh sát giao thông trên tuyến Quốc lộ A, Quốc lộ A, tự giới thiệu là phóng viên, cộng tác viên báo chí và đưa bản danh sách các biên số xe tải cho lực lượng cảnh sát giao thông để nhờ họ giúp đỡ. Lê Bảo N1 nói với họ bản thân là nhà báo, do khó khăn về kinh tế nên kinh doanh thêm vận tải và nhờ lực lượng cảnh sát giao thông các tỉnh khi đi tuần tra nếu gặp những xe này thì bỏ qua vi phạm. Lê Bảo N1 còn lập nhóm Z đưa các tài xế, chủ xe vào trong nhóm để các tài xế, chủ xe và Ngọc dễ liên hệ với nhau khi xe lưu thông trên đường mà gặp cảnh sát giao thông kiểm tra, xử phạt.

Hoàng Thị V1 H giúp Lê Bảo N1 thu tiền của các chủ xe, lái xe ô tô thông qua việc H sử dụng số điện thoại 0946968585 để liên lạc với các chủ xe, lái xe nhắc họ chuyển tiền vào tài khoản của H hoặc Lê Bảo N1 vào ngày 15 hàng tháng. H giữ lại một phần tiền thu được để chi tiêu cho sinh hoạt chung của N1 và H, còn lại H chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt lại cho Lê Bảo N1.

Kết quả điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến đầu năm 2023, Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H đã thu tổng số tiền

1.051.000.000 đồng của các chủ xe, lái xe ô tô để Lê Bảo N1 tác động đến cảnh sát giao thông bỏ qua lỗi vi phạm hoặc được xử phạt nhẹ khi xe bị lỗi vi phạm giao thông. Trong đó, Lê Bảo N1 thu số tiền 474.000.000 đồng, Hoàng Thị Việt H thu số tiền 575.000.000 đồng (H giữ lại 140.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt chung giữa N1 và H), số tiền còn lại Hoàng Thị Việt H đưa lại cho Lê Bảo N1.

Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H khai nhận đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên, không đưa tiền cho cảnh sát giao thông khi tác động họ bỏ qua lỗi vi phạm giao thông cho các xe N1, H đã thu tiền đối với 21 trường hợp. Ngoài ra, qua kiểm tra tài khoản của Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H thấy có nhiều nội dung chuyển tiền liên quan đến các biển số xe ô tô nhưng do chưa làm việc được với chủ phương tiện hoặc chủ phương tiện không thừa nhận mình là người chuyển tiền đối với 06 trường hợp.

III. Hành vi môi giới hối lộ của bị can Lê Bảo N1

Quá trình điều tra hành vi môi giới hối lộ của bị can Trương Công Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Đ đã phát hiện, vào khoảng đầu năm 2022, có nhiều lái xe hỏi Lê Bảo N1 có quen biết ai trong lực lượng Cảnh sát giao thông ở tỉnh Đồng Nai không để liên hệ giúp họ không bị xử phạt lỗi xe chở quá tải trọng. Qua tìm hiểu Lê Bảo N1 biết Trạm trưởng Trạm Cảnh sát giao thông S3 tên là Lê Ánh D nên đã tự lái xe đến Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre gặp D và giới thiệu là phóng viên “Tạp chí Quê hương ngày nay” tên Lê Bảo N1 đồng thời là Phó Trưởng Cơ quan đại diện miền T - T, miền N tại Đà Nẵng, đặt vấn đề nhờ D giúp đỡ cho xe của Công ty B4 quá tải khi đi qua Quốc lộ A do Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre tuần tra, kiểm soát không bị xử phạt nhưng Lê Ánh D từ chối với lý do là “có Tổ đặc biệt của Ban Giám đốc Công an tỉnh nên không thể giúp”.

Qua giới thiệu của tài xế trên đường, Lê Bảo N1 biết đối tượng tên T6 có thể can thiệp với lực lượng Cảnh sát giao thông để giúp xe chở quá tải trọng, quá khổ không bị xử phạt và xin được số điện thoại 0933.466567 của T6. Cơ quan điều tra đã xác định số điện thoại trên là của Trương Công Q. Lê Bảo N1 đã sử dụng sim số 0904.368357 gọi cho Q và nói: “Em làm phóng viên báo, kinh doanh thêm vận tải, công ty em tên là Bảo N1 có mấy xe chạy qua Đồng Nai, anh nói với mấy sếp một tiếng giúp em” và được Q đồng ý. Q và N1 hiểu thỏa thuận trên là giúp các xe có dán logo Công ty B4 khi lưu thông qua địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ không bị xử phạt lỗi vi phạm quá tải.

Lê Bảo N1 đã giới thiệu và cho số điện thoại của Trương Công Q cho anh Nguyễn Đình G (sinh năm 1974, trú xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) là lái xe ô tô tải biển số 37C-194.26 (Giáp mua logo của Công ty TNHH T10), để G liên hệ nhờ Q bảo kê xe của G khi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai không bị lực lượng Cảnh sát giao thông xử phạt.

Vào khoảng tháng 02/2022, anh Nguyễn Đình G (sinh năm 1974, trú xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) điều khiển xe tải biển số 37C-194.26 lưu thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì bị Cảnh sát giao thông dừng xe, kiểm tra lỗi vi phạm quá tải trọng. G gọi điện cho N1 và N1 đã gọi điện cho Q nói “Em có xe chở quá tải đang bị bắt ở Đồng Nai, giờ họ đòi chung chi số tiền 5.000.000 đồng, anh xem giúp dùm với”. Q nói “ bị Tổ đặc biệt bắt nên khó xin, nhưng sẽ cố giúp”. Sau đó N1 cho G số điện thoại của Q để G tự liên hệ. Từ đó G quen biết với Trương Công Q.

Thông qua sự giới thiệu của N1, mỗi khi xe đi qua địa phận tỉnh Đồng Nai thì G sẽ liên hệ điện thoại trước với Q, gửi biển số xe cho Q, khi nào Q nói được thì G sẽ điều khiển xe chạy qua tỉnh Đồng Nai và không bị lực lượng Cảnh sát giao thông tỉnh Đ kiểm tra lập biên bản, xử phạt vi phạm. G phải chung chi số tiền từ 500.000 đồng đến 900.000 đồng/lần cho Q qua tài khoản 36072052344733 của Nguyễn Đình G Ngân hàng A chuyển vào tài khoản 6060608888888888 Ngân hàng M3 và tài khoản 050135417466 tên Trương Thị Ngọc M Ngân hàng S5 do Q cung cấp. Kết quả sao kê tài khoản đã xác định G chuyển cho Q tổng số tiền là 9.000.000 đồng.

IV. Hành vi Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi của bị can Hoàng H2, Hoàng Thanh S1 và Tạ Thị Thu T2.

Hoàng Hiệp công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông Công an thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2004 đến năm 2011 thì xuất ngũ. Năm 2016, Hoàng H2 làm Cộng tác viên tại Tạp chí Vận tải ô tô, đến tháng 7/2021 thì nghỉ việc, không còn là Cộng tác viên của Tạp chí Vận tải ô tô nữa.

Năm 2021, Hoàng H2 thành lập Công ty TNHH T11 (do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp đăng ký lần đầu ngày 21/9/2021- mã số doanh nghiệp 3002241574) (sau đây gọi tắt là Công ty T11), địa chỉ tại: Ngõ A, đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, do Hoàng H2 làm Giám đốc. Sau đó, Hoàng H2 thành lập Trạm dừng chân, dịch vụ trung chuyển hàng hóa Công ty T11 (sau đây gọi tắt là Trạm dừng chân Bảo Trâm) tại địa chỉ Tổ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trên bảng hiệu Trạm dừng chân Bảo Trâm ghi nội dung: Dịch vụ trung chuyển, lưu trữ, ký gửi hàng hóa; dịch vụ nhà hàng, ăn uống, nghỉ ngơi; dịch vụ làm lốp, sửa chữa lưu động; dịch vụ cứu hộ giao thông; dịch vụ kinh doanh tổng hợp; dịch vụ ăn uống. Quá trình điều hành hoạt động Công ty và Trạm dừng chân Bảo Trâm, Hoàng H2 thuê Hoàng Thanh S1 (là em trai ruột) làm quản lý của Trạm dừng chân Bảo Trâm và Tạ Thị Thu T2 (vợ của S1) làm Kế toán trưởng của Công ty T11, mỗi tháng Hoàng H2 trả lương cho S1, T2 10.000.000 đồng/người/tháng.

Hoàng H2 khai việc thành lập Công ty T11 là để kinh doanh dịch vụ vận tải, khi các nhà xe ký hợp đồng với Công ty T11 thì sẽ được hưởng các dịch vụ như: Dịch vụ tư vấn về nghề nghiệp vận tải đường bộ; Dịch vụ sửa chữa, làm lốp lưu động; Hỗ trợ các dịch vụ tại trạm dừng chân của công ty; Dịch vụ rửa xe, tắm heo, đồ nước mui; Dịch vụ về cứu hộ giao thông; Hỗ trợ tư vấn pháp luật

khi có sự cố của phương tiện khi tham gia giao thông; Dịch vụ nhận ủy quyền xử lý sau khi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Dịch vụ lưu trữ và trung chuyển hàng hóa miễn phí tại trạm dừng chân; sử dụng miễn phí dịch vụ ăn uống ở trạm dừng chân. Để được hưởng các dịch vụ trên thì các nhà xe, chủ xe phải ký hợp đồng với Công ty T11 và phải đóng số tiền 5.000.000 đồng/ xe /tháng. Các xe này dán logo “Công ty Bảo Trâm” trên kính xe là để dễ nhận biết là xe có hợp đồng dịch vụ với Công ty T11.

Tuy nhiên, căn cứ lời khai các chủ xe, lái xe đã ký hợp đồng dịch vụ vận tải với Công ty T11 và chuyển tiền hàng tháng cho Hoàng H2; lời khai Hoàng Thanh S1, Tạ Thị Thu T2 và các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ đã xác định được:

Hoàng Hiệp biết các chủ xe kinh doanh vận tải hàng hóa thường lưu thông trên các tuyến quốc lộ phải chịu nhiều sức ép từ chủ hàng về thời gian, tải trọng và chi phí vận tải nên không tránh khỏi vi phạm giao thông về các lỗi như chở hàng quá tải trọng, chạy quá tốc độ, làm rơi chất thải trên đường và thường xuyên bị Cảnh sát giao thông kiểm tra xử phạt sẽ ảnh hưởng về mặt thời gian lưu thông và lợi nhuận. Hoàng H2 nảy sinh ý định lợi dụng mối quan hệ với Cảnh sát giao thông ở một số tỉnh, thành trong thời gian H2 còn công tác trong lực lượng Công an nhân dân để trục lợi. Để thực hiện ý định trên, Hoàng H2 đưa ra thông tin H2 có mối quan hệ với Cảnh sát giao thông trên các tuyến Quốc lộ từ tỉnh Ninh Bình đến tỉnh Đồng Nai, có thể can thiệp, xin Cảnh sát giao thông bỏ qua hoặc xử phạt với lỗi nhẹ hơn đối với xe ô tô chở hàng quá tải trọng, quá tốc độ để thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên. Hoàng H2 sử dụng pháp nhân Công ty T11 và Trạm dừng chân Bảo Trâm ký kết hợp đồng dịch vụ với các nhà xe, chủ xe là nhằm che giấu hành vi trục lợi, thực chất Công ty T11 và các chủ xe, lái xe không thực hiện các hoạt động dịch vụ như hợp đồng thể hiện. Các chủ xe, lái xe thừa nhận, việc dán, gắn logo “Công ty T11” được H2 giải thích là để làm tín hiệu cho Cảnh sát giao thông nhận biết là xe của H2 đã “làm luật”, không dừng xe kiểm tra hoặc bỏ qua, không xử lý đối với xe vi phạm. Sau khi nộp tiền tháng cho H2 thì các chủ xe được H2 (sử dụng số điện thoại 0911594588) đưa vào nhóm Z có tên “Công ty T11” do H2 làm trưởng nhóm, mục đích để cho H2 và các tài xế, chủ xe sẽ thông báo cho nhau về vị trí các tuyến đường có lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ kiểm tra xe quá tải, quá tốc độ để cho tài xế biết và né tránh.

Hoàng H2 sử dụng 05 tài khoản gồm: Tài khoản 0201000169267 Ngân hàng V2; tài khoản 3701777757999 Ngân hàng A; Tài khoản 957511988 Ngân hàng Q1 (MB); tài khoản 79976868 Ngân hàng TMCP Á; tài khoản 9575888888 Ngân hàng M1 đứng tên Công ty TNHH T11 để nhận tiền “làm luật” do các chủ phương tiện, lái xe giao nộp. Hoàng Hiệp đã nhận của các chủ phương tiện, lái xe qua các tài khoản nêu trên tổng số tiền là 175.000.000 đồng. (BL 7565-7586)

Ngoài ra, Hoàng H2 còn chỉ đạo Hoàng Thanh S1, Tạ Thị Thu T2 thu tiền của các chủ phương tiện, lái xe ô tô theo danh sách các nhà xe do H2 đưa, thông qua các tài khoản 0121000336638 Ngân hàng V2 của Hoàng Thanh S1, tài

khoản 0201000156092 Ngân hàng V2 và tài khoản 30001010121980 Ngân hàng M4 của Tạ Thị Thu T2. S1 và T2 có trách nhiệm tổng hợp và trả tiền lại cho H2.

Hoàng Hiệp chỉ đạo Hoàng Thanh S1 soạn thảo Hợp đồng dịch vụ vận tải theo mẫu do H2 làm sẵn. S1 điền thông tin các chủ xe, biển số xe vào hợp đồng, trình H2 ký theo thông tin do H2 cung cấp, mỗi hợp đồng được lập làm 02 bản. S1 chuyển cho các chủ xe để họ ký vào hợp đồng, yêu cầu họ gửi lại 01 bản hợp đồng cho S1 và phải nộp 5.000.000 đồng vào tài khoản của Hoàng H2 hoặc Hoàng Thanh S1. Sau khi nhận được tiền thì S1 hện và đưa L3 “Công ty T11” cho các chủ xe để dán trên góc phía trước cabin xe. Hoàng Thanh S1 đã làm việc cho Hoàng H2 là từ tháng 6/2022 đến tháng 11/2022 nhưng từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2022, S1 chỉ quản lý Trạm dừng chân Bảo Trâm và không được H2 trả lương, từ tháng 8/2022 trở đi S1 mới thực hiện công việc thu tiền và soạn thảo hợp đồng với các chủ xe và lái xe theo chỉ đạo của H2 và được trả lương 10.000.000 đồng/tháng. Hoàng Thanh S1 đã thu của các chủ xe, lái xe qua tài khoản tổng số tiền là 192.000.000 đồng. Hoàng H2 đã trả lương cho Hoàng Thanh S1 tổng số tiền là 30.000.000 đồng (BL7600-7601A).

Tạ Thị Thu T2 được H2 phân công quản lý, thu, chi tiền của các nhà xe nộp vào Công ty T11, thống kê những xe đã ký hợp đồng dịch vụ với công ty nhưng không đóng tiền, đóng tiền trễ hoặc xin rút không tham gia để báo cho H2 biết. Trà có trách nhiệm gọi điện thoại đôn đốc, nhắc nhở các chủ xe, lái xe đóng tiền đúng hạn. Trong thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 10/2022, Tạ Thị Thu T2 đã nhận của các chủ phương tiện và lái xe tổng số tiền là 2.496.000.000 đồng và được Hoàng H2 trả lương tổng số tiền là 65.413.000 đồng (BL 7587-7590, 7009-7026, 7010-7026)

Hoàng Thanh S1 và Tạ Thị Thu T2 thừa nhận biết số tiền các chủ phương tiện, lái xe ô tô chuyển vào các tài khoản do S1 và T2 đứng tên nêu trên là tiền họ nộp cho Hoàng H2 để Hoàng H2 tác động đến lực lượng CSGT làm nhiệm vụ kiểm tra trên các tuyến đường bỏ qua lỗi hoặc xử phạt các lỗi vi phạm giao thông nhẹ hơn quy định nhưng vẫn tích cực thực hiện theo sự chỉ đạo của Hoàng H2. Sau khi thu tiền của các chủ phương tiện, lái xe nêu trên, S1 chuyển khoản toàn bộ lại cho Hoàng H2; đối với T2 đã chuyển khoản lại cho Hoàng H2 2.400.587.000 đồng sau khi Trà trích lại 30.000.000 đồng để trả lương cho S1 và 65.413.000 đồng trả lương cho T2.

Như vậy, Hoàng H2 đã thu của các chủ phương tiện, lái xe tổng số tiền là 2.863.000.000 đồng, trong đó Hoàng H2 thu lợi bất chính số tiền 2.767.587.000 đồng; Hoàng Thanh S1 thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng, Tạ Thị Thu T2 thu lợi bất chính số tiền 65.413.000 đồng.

Kết quả điều tra đối với các chủ xe, lái xe mà Hoàng H2, Hoàng Thanh S1 và Tạ Thị Thu T2 đã thu tiền hàng tháng đối với 52 trường hợp.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-P3 ngày 07/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

Bị cáo Trương Công Quang, Trần Quang Tân và Nguyễn Đăng K1 về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm khoản 4 Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Thị Diệu H4, Đặng Văn Ú về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại các điểm e, g khoản 2 Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Văn Đ, Nguyễn Văn H5, Lê Bảo N1 về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Bảo N1, Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2 về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” quy định tại khoản 3 Điều 366 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Thanh S1 về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 366 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 48/2025/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Diệu H4, Lê Bảo N1 phạm tội “Môi giới hối lộ”; các bị cáo Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2 phạm tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”.

- Áp dụng điểm e, g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu H4 02 (Hai) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023.

- Áp dụng khoản 3 Điều 366; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hoàng Thị Việt H còn áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị V1 H 04 (B2) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng H2 07 (B3) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Thu T2 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 23/02/2023 đến ngày 17/01/2024.

- Áp dụng khoản 3 Điều 366; điểm a khoản 1 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Bảo N1 08 (T7) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ”, 05 (Năm) năm 06 (S2) tháng tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công:

...

01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598, dung tích xy lanh 2198 cm³ năm sản xuất 2021 của bị cáo Lê Bảo N1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Quang T, Trương Công Q, Nguyễn Đăng K1, Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5, Ngô Văn Đ, Hoàng Thanh S1 biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 02/4/2025, bị cáo Tạ Thị Thu T2 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/4/2025, bị cáo Trần Thị Diệu H4 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 04/4/2025, bị cáo Hoàng H2 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/4/2025, bị cáo Hoàng Thị Việt H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 14/4/2025, bị cáo Lê Bảo N1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bản giao lại tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 007647 do Phòng C3 Công an Thành phố Đ cấp ngày 12/7/2021 cho Ngân hàng TMCP T8 xử lý thu hồi nợ theo quy định về khoản vay giữa ông Lê Bảo N1 với Ngân hàng TMCP T8.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 20/6/2025 bị cáo Lê Bảo N1 đã xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Ngày 04/8/2025, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 05/2025/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Bảo N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

- Bị cáo Tạ Thị Thu T2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và cung cấp các tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có người có công với đất nước, trong đó ông, bà ngoại bị cáo được tặng thưởng huân chương hạng nhì về thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp... Ngoài ra, bị cáo còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt tù vì hoàn cảnh gia đình bố mẹ già, có nhiều bệnh, gia đình bị cáo là gia đình văn hóa, chồng của bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H tặng bằng khen...

- Bị cáo Trần Thị Diệu H4 giữ nguyên kháng cáo và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử đối với bị cáo là quá nặng.

- Bị cáo Hoàng Hiệp G1 nguyên yêu cầu kháng cáo về việc xin giảm hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã nộp thêm số tiền thu lợi bất chính là 500.000.000 đồng. Đối với về việc đề nghị xem xét lại số tiền quy kết thì bị cáo xin rút lại yêu cầu này.

- Bị cáo Hoàng Thị Việt H tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo H có nộp thêm số 30.000.000 đồng theo Biên lai số 0007148 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng T8 có đại diện theo uỷ quyền cùng trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị bàn giao lại tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 007647 do Phòng C3 Công an Thành phố Đ cấp ngày 12/7/2021 cho Ngân hàng TMCP T8 xử lý thu hồi nợ.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

2.1.1. Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật. Kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nằm trong hạn nên cần xem xét theo quy định pháp luật.

2.1.2. Về nội dung:

- Về tội danh và hình phạt: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và đúng pháp luật, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thị Việt H và Lê Bảo N1 xin rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Bị cáo Trần Thị

Diệu H4 và Tạ Thị Thu T2 kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo Hoàng H2: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt, không yêu cầu xem xét lại số tiền, trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp thêm 500 triệu đồng thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, nên yêu cầu kháng cáo về việc xin giảm hình phạt là có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của Ngân hàng TMCP T8: Xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598 là vật chứng trong vụ án. Bản án sơ thẩm quyết định tịch thu sung công là đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H2, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H, bị cáo H4 và Ngân hàng.

2.2. Phần tranh luận của các bị cáo và người bào chữa:

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng H2 phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo H2 vì bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới đã nộp thêm 500.000.000 đồng.

Đối với bị cáo T2 thì bị cáo có xuất trình tài liệu chứng cứ mới vì chồng bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, bố mẹ bị cáo là cán bộ lão thành cách mạng, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Theo quy định pháp luật giữa Ngân hàng và bị cáo N1 chỉ có quan hệ dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật dân sự để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Hoàng H2 và bị cáo Trần Thị Diệu H4 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Trần Thị Diệu H4, Lê Bảo N1, Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8 thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thị Việt H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Trạm Cảnh sát giao thông Suối Tre thuộc Phòng C3 Công an tỉnh Đ có trách nhiệm tuần tra, kiểm soát trên Quốc lộ A đoạn từ Km số 1851+500 (xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai) đến Km số 1771 (xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai giáp ranh với tỉnh Bình Thuận) và Quốc lộ E đoạn từ Km số 01 (xã X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đến Km số 17 (xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai giáp ranh với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).

Tổ công tác đặc biệt do Phòng C3 Công an tỉnh Đ thành lập, quản lý có nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tất cả các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó tập trung vào các tuyến Q, Tỉnh lộ, các tuyến đường đầu nối vào Q, đầu nối vào khu vực mỏ đá. Địa bàn trọng điểm gồm các địa phương: Thành phố B, Thành phố L, huyện L, huyện T, huyện T và huyện Đ.

Từ khoảng tháng 01/2021 đến tháng 9/2022, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Trương Công Q đã cấu kết với Nguyễn Văn H5, Đặng Văn Ú, Ngô Văn Đ, Trần Thị Diệu H4, Lê Bảo N1 thu tiền của các chủ xe, lái xe vi phạm Luật Giao thông đường bộ với thỏa thuận “bảo kê”, “làm luật”, đưa tiền cho Trần Quang T hối lộ Cảnh sát giao thông thuộc Trạm Cảnh sát giao thông S3 để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với người, phương tiện; cấu kết với Nguyễn Đăng K1 thu tiền của các chủ xe, lái xe để hối lộ Cảnh sát giao thông thuộc Tổ công tác đặc biệt. Tổng số tiền Trương Công Q đã thu và nhận được từ đồng phạm để đưa hối lộ đã xác định được là 2.755.666.670 đồng.

Ngày 30/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ đã tiến hành giữ khẩn cấp đối tượng Trần Quang T, Trương Công Q, Đặng Văn Ú, Nguyễn Văn H5 để điều tra, làm rõ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ mở rộng vụ án và xác định được như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 9/2022, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với cùng phương thức, thủ đoạn tương tự thì Nguyễn Đăng K1 đã nhận tiền của nhiều chủ xe và lái xe tổng số tiền là 1.239.998.800 đồng với thỏa thuận “bảo kê”, “làm luật” đưa cho Trần Quang T và Trương Công Q hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với người, phương tiện. Ngày 30/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ đã tiến hành giữ khẩn cấp Nguyễn Đăng K1 để điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSHS) Công an tỉnh Đ còn xác định hai nhóm tội phạm có hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2023, Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H đã thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên các tuyến đường miền T, T, Đ sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với nhiều cảnh sát giao thông trên các tuyến đường này để gọi điện, tác động đến cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn quy định đối với các xe ô tô mà N1 đã thu tiền để trục lợi tổng số tiền là 1.051.000.000 đồng;

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2023, Hoàng H2 và đồng phạm với cùng phương thức, thủ đoạn tương tự như nhóm bị cáo Lê Bảo N1 đã thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên tuyến Quốc lộ B - N; M - T sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với nhiều cảnh sát giao thông trên các tuyến đường này để gọi điện tác động đến cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn quy định đối với các xe ô tô mà bị cáo Hoàng H2 đã thu tiền để trục lợi tổng số tiền là 2.863.000.000 đồng.

Trong đó:

Hành vi môi giới hối lộ của bị cáo Trần Thị Diệu H4: Từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022, Trần Thị Diệu H4 đã thực hiện hành vi môi giới hối lộ bằng thủ đoạn thỏa thuận “bảo kê”, “làm luật” và nhận tiền của các đối tượng là chủ xe, lái xe vi phạm pháp luật, hối lộ cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 220.000.000 đồng, sau đó đưa cho Trần Quang T và Trương Công Q hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm. Như vậy, bị cáo Trần Thị Diệu H4 đã môi giới hối lộ tổng số tiền 220.000.000 đồng, không thu lợi từ hành vi môi giới hối lộ.

Hành vi môi giới hối lộ của bị cáo Lê Bảo N1

Vào khoảng tháng 02/2022, Lê Bảo N1 đã giới thiệu Trương Công Q với Nguyễn Đình G để Nguyễn Đình G đưa tổng số tiền 9.000.000 đồng cho Trương Công Q hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với xe ô tô của Nguyễn Đình G. Như vậy, Lê Bảo N1 đã đồng phạm với Trương Công Q môi giới hối lộ mà của hối lộ là tổng số tiền 9.000.000 đồng. Lê Bảo N1 không hưởng lợi từ hành vi môi giới hối lộ nêu trên.

Hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi của Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H.

Trong thời gian từ năm 2021 đến 2023, lợi dụng ảnh hưởng từ công việc và mối quan hệ quen biết với lực lượng cảnh sát giao thông, Lê Bảo N1 đã trực tiếp thu tiền và chỉ đạo cho Hoàng Thị V1 H thu tiền của các chủ xe, lái xe vi phạm luật giao thông trên các tuyến đường miền T, T, Đ, sau đó N1 gọi điện, tác động lực lượng cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi

phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn để trục lợi. Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H đã thu của các chủ xe, lái xe tổng số tiền là 1.051.000.000 đồng (trong đó Lê Bảo N1 thu số tiền 474.000.000 đồng; Hoàng Thị Việt H thu số tiền 575.000.000 đồng).

Hoàng Thị Việt H biết rõ Lê Bảo N1 hoạt động thu tiền “bảo kê” đối với xe vi phạm luật giao thông đường bộ để trục lợi nhưng vẫn giúp sức tích cực cho Lê Bảo N1, góp vốn thành lập Công ty TNHH T10 và thu tiền của các chủ xe, lái xe sau đó chuyển lại cho Lê Bảo N1. Hoàng Thị Việt H đã thu số tiền 575.000.000 đồng nhưng sau đó giữ lại 140.000.000 đồng để ăn uống, tiêu xài chung với Lê Bảo N1.

Do đó tổng số tiền Lê Bảo N1 và Hoàng Thị Việt H trục lợi là 1.051.000 đồng, trong đó Lê Bảo N1 trục lợi số tiền 981.000.000 đồng; Hoàng Thị Việt H trục lợi số tiền là 70.000.000 đồng.

4. Hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi của Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2023, lợi dụng mối quan hệ với lực lượng cảnh sát giao thông, Hoàng H2 đã thu tiền của các chủ xe, lái xe lưu thông trên tuyến Quốc lộ B - Nam; miền T - T sau đó lợi dụng mối quan hệ quen biết với nhiều cảnh sát giao thông trên các tuyến đường này để gọi điện tác động đến cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn quy định đối với các xe ô tô mà bị cáo Hoàng H2 đã thu tiền để trục lợi. Tổng số tiền Hoàng H2 đã thu của các chủ xe, lái xe là 2.863.000.000 đồng, sau khi trả công cho Hoàng Thanh S1 và Tạ Thị Thu T2, Hoàng H2 thu lợi bất chính số tiền là 2.767.587.000 đồng.

Trong thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 10/2022, Tạ Thị Thu T2 đã tích cực giúp sức cho Hoàng H2 thực hiện thu tiền của các chủ xe, lái xe sau đó đưa lại cho Hoàng H2. Tổng số tiền Tạ Thị Thu T2 đã thu của các chủ xe, lái xe sau đó đưa lại cho Hoàng H2 là 2.496.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 65.413.000 đồng.

[2.2] Các bị cáo Trần Thị Diệu H4, Hoàng Thị Việt H, Lê Bảo N1, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi môi giới hối lộ: Các bị cáo Trần Thị Diệu H4, Lê Bảo N2 thức được việc nhận tiền của các đối tượng là chủ xe, lái xe có hành vi vi phạm pháp luật để hối lộ Cảnh sát giao thông để bỏ qua, không kiểm tra, xử phạt vi phạm là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chế độ; làm cho cán bộ, công chức ở cơ quan, tổ chức bị thoái hoá biến chất. Làm môi giới hối lộ chính là hành vi giúp sức, tiếp tay cho các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm khác.

Đối với hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi: Các bị cáo Lê Bảo N1, Hoàng Thị Việt H, H, Tạ Thị Thu T2 nhận thức được việc lợi dụng ảnh hưởng từ công việc và mối quan hệ quen biết với lực lượng cảnh sát giao thông, đã thu tiền của các chủ xe, lái xe vi phạm luật giao thông trên các tuyến đường, sau đó gọi điện, tác động lực lượng cảnh sát giao thông nhờ họ bỏ qua lỗi vi phạm hoặc xử phạt vi phạm giao thông với lỗi nhẹ hơn để trục lợi là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chế độ; làm cho cán bộ, công chức ở cơ quan, tổ chức bị thoái hoá biến chất.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị Diệu H4 phạm tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử các bị cáo các bị cáo Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2 và Hoàng Thanh S1 phạm tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi” theo quy định tại khoản 3 Điều 366 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử bị cáo Lê Bảo N1 phạm tội Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 và tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi” theo quy định tại khoản 3 Điều 366 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Diệu H4

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò bị cáo, xem xét nhân thân, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã ra đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu H4 02 (Hai) năm 06 (S2) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại e, g khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H4 kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo H4.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng H2:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò bị cáo, xem xét nhân thân, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công Cách mạng, đã nộp 150 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Hoàng H2 07 (B3) năm tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi” theo quy định tại khoản 3 Điều 366 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp Biên lai thu tiền số 0000158 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp thêm số tiền thu lợi bất chính là 500.000.000 đồng. Xét thấy, mặc dù số tiền bị cáo nộp tại cấp phúc thẩm chỉ là một phần tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải nộp theo quyết định của Bản án sơ thẩm, nhưng tình tiết mới này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và ý thức khắc phục hậu quả vụ án của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tạ Thị Thu T2:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò bị cáo, xem xét nhân thân, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình chồng có công Cách mạng, đã nộp tiền thu lợi bất chính, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Tạ Thị Thu T2 05 (Năm) năm tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi” theo quy định tại khoản 3 Điều 366 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp các tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước. Xét, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo H2. Tổng số tiền bị cáo T2 đã thu của các chủ xe, lái xe sau đó đưa lại cho Hoàng H2 là 2.496.000.000 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền là 65.413.000 đồng (số tiền thu lợi bất chính của bị cáo thấp hơn rất nhiều so với bị cáo H2), Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù (bị cáo H2 bị xử phạt 07 năm tù) là có phần nghiêm khắc. Do đó, để đảm bảo tính công bằng trong việc quyết định hình phạt giữa các bị cáo cùng

thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bản giao lại tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 007647 do Phòng C3 Công an Thành phố Đ cấp ngày 12/7/2021 cho Ngân hàng TMCP T8 xử lý thu hồi nợ theo quy định về khoản vay giữa ông Lê Bảo N1 với Ngân hàng TMCP T8:

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Lê Bảo N1 đã sử dụng 01 (một) xe ô tô nhãn Ford ranger, màu sơn trắng, BKS 43C254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598 sử dụng để tiếp cận các chốt, trạm Cảnh sát giao thông trên các tuyến Q để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên đây là phương tiện nhằm trợ giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu sung công quỹ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP T8 kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8.

[7] Kiến nghị

Tại Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trương Công Q mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng là 07 (bảy) năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trương Công Q có là đối tượng chủ mưu, cầm đầu thực hiện hành vi môi giới hối lộ. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt tại Bản án sơ thẩm là chưa tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trương Công Q, nhưng Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Q không có kháng cáo, không bị kháng nghị tăng nặng hình phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, cần kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị giám đốc thẩm Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Công Q.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hoàng H2, bị cáo Tạ Thị Thu T2; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diệu H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số

48/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo nội dung nhận định nêu trên.

[9] Nhận định trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa của luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí phúc thẩm:

- Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Trần Thị Diệu H4, sinh năm 1962 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2, Hoàng Thị Việt H không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị Việt H.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Diệu H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T8; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hoàng H2 và bị cáo Tạ Thị Thu T2;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng điểm e, g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu H4 02 (Hai) năm 06 (S2) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 366; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hoàng Thị Việt H còn

áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị V1 H 04 (B2) năm tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng H2 05 (năm) 09 (chín) tháng tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Thu T2 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 23/02/2023 đến ngày 17/01/2024.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2 để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công:

...

01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 43C-254.42, số khung MNCLMFF80MW157939, số máy P4AT4241598, dung tích xy lanh 2198 cm³ năm sản xuất 2021 của bị cáo Lê Bảo N1.

3. Số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) bị cáo Hoàng H2 đã nộp theo biên lai thu số 0000158 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai sẽ được xem xét trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Hoàng H2 phải nộp trong giai đoạn thi hành án.

Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) bị cáo Hoàng Thị Việt H đã nộp theo biên lai thu số 0007148 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai sẽ được xem xét trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Hoàng Thị V1 H phải nộp trong giai đoạn thi hành án.

4. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Công Q.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí phúc thẩm:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Thị Việt H, Hoàng H2, Tạ Thị Thu T2 không phải chịu. Bị cáo Trần Thị Diệu H4 được miễn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP T8 phải chịu án 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT
tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- TTG số1- CA tỉnh Đồng Nai;
(Tổng đạt cho bị cáo)
- BCTN (2);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 31b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn